TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 9 - 2021
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Liên

2. Ông Vũ Hùng Vương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang *tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, về việc Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N; địa chỉ: Tổ 02, thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ; địa chỉ: Tổ 03, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 03/3/2021; bản tự khai ngày 26/4/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bầy: Chị và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 21/5/2010, tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và mẫu thuẫn lên đến đỉnh điểm là từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh Đ thường xuyên ghen tuông dẫn đến việc

vợ chồng cãi chửi nhau, anh Đ đánh chị nhiều lần, chị đã về huyện B sống cùng gia đình, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày: Anh Đ xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị N trình bầy là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh phát hiện được tin nhắn thân mật của chị N với người đàn ông khác và chụp hình cùng với người đó. Anh đã trao đổi với chị N và bỏ qua cho chị N để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chị N đã hứa với anh sẽ không liên lạc với người đó nữa. Nhưng sau đó khoảng vài tuần, chị N lại tiếp tục liên lạc với một đàn ông người khác, anh có nói chuyện với chị N nhưng chị N không nghe vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, và chị N xin ly hôn với anh. Anh mong muốn chị N quay về để vợ chồng đoàn tụ, bản thân anh không muốn gia đình tan vỡ, các con không có bố mẹ, nên anh không nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung:

- Chị N trình bày: Chị và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2015. Ly hôn chị N xin được là người trực tiếp nuôi cháu Q, để cho anh Đ nuôi cháu P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Đ trình bầy: Anh Đ xác nhận vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2015 là đúng. Ly hôn anh Đức không đồng ý giao các con cho chị Niên chăm sóc, giáo dục, vì lý do trong thời gian sống anh chị sống ly thân chị Niên không có trách nhiệm với các con. Anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các phiên hòa giải ngày 30/8/2021 và ngày 08/9/2021các đương sự cùng giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn và nuôi con chung.

* Tại phiên toà:

Chị N và anh Đ cùng giữ nguyên quan điểm của mình về việc ly hôn và việc nuôi con chung; tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong qúa trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứ cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp tại Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy chị N và anh Đ kết hôn ngày 21/5/2010 tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2015. Ly hôn chị N và anh Đ không thỏa thuận được việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện của chị N và anh Đ đều đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp.

- Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

Do đó, căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS , điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2015; giao cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010 cho đến khi các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị N, anh Đ không ai cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Án phí: Chị Niên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị N xin ly hôn và anh Đ có địa chỉ cư trú: Tổ 03, phường N, TP H, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về nội dung vụ án: Chị N và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 21/5/2010 tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp.

[5]. Lý do chị N xin ly hôn là sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác, dẫn đến hai vợ chồng hay cãi chửi nhau, do anh Đ ghen một cách mù quáng, nên thường xuyên kiểm soát chị kể cả thời gian đi làm nên chị không chịu đựng được, anh Đ cũng nhiều lần hứa sẽ thay đổi tính ghen tuông đó nhưng anh Đ không thay đổi, dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát đánh nhau, hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng anh Đ không thay đổi cách sống. Vì vậy, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, chị xin được ly hôn với anh Đ.

[6]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống chị N và anh Đ không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không khắc phục được, chị N xác nhận không còn tình cảm với anh Đ. Bản thân anh Đcũng thừa nhận anh chị phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống, hay bất đồng quan điểm như chị N khai là đúng, hiện đã sống ly thân, nhưng lại không khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có cơ hội trở về đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19- Luật Hôn nhân và Gia đình có quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...", nhưng quan hệ hôn nhân của hai anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Theo biên bản xác minh ngày 31/8/2021; đã xác định định được cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không có sự tin tưởng và yêu thương nhau, hay đánh chửi nhau, có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến việc sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống của anh chị cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GĐ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Đ.

[7]. Về con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010 và cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2015. Ly hôn, chị N xin được nuôi cháu N, anh Đ không nhất trí cho chị N được nuôi con chung. Xét thấy, chị N và Đ đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định đủ điều kiện để nuôi con, nên yêu cầu xin được nuôi cháu N của chị N là phù hợp, cháu N còn nhỏ lại là con gái nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, cháu P lớn hơn đã có thể tự lập được trong một số việc sinh hoạt cá nhân nên giao cháu Phong cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu phong. Theo biên bản

tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ngày 31/8/2021 thấy rằng việc giao con cho chị N và anh Đ mỗi người nuôi một con là phù hợp với thực tế và đúng với quy định của pháp luật. Do đó, cần giao cháu P cho anh Đ và giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[8]. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị N và anh Đ mỗi người nuôi một con chung và không ai có yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[9]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[10]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị Niên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Căn cứ vào Điều 207, khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2015, giao cho anh Nguyễn Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 22/8/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N, anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và cùng và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về Án phí: Chị N chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 0002490 ngày 01 tháng 4 năm 2021.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị N, anh Đ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thanh Bình

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- CC THADS TP. H;
- UBND P. N. TP.H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận